TỪ TRẤN GIANG ĐẾN TỈNH CẦN THƠ (THẾ KỶ XVII ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX)

NGUYỄN ĐÌNH CƠ *

1. Về địa danh "Cần Thơ"

Vùng đất Cần Thơ được hình thành cách ngày nay khoảng 2.000 - 2.500 năm cùng với sự hình thành đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Sau giai đoạn phát triển rực rỡ của văn hóa Óc Eo kéo dài 6 thế kỷ đầu Công nguyên, do hoàn cảnh lịch sử và những biến động địa lý khắc nghiệt thời đó, vùng đồng bằng này trở nên hoang vu, dân cư thưa thớt trong một thời gian dài.

Về tên gọi *Cần Thơ*, theo Huỳnh Minh trong "Cần Thơ xưa" có hai giả thuyết: *Thứ nhất* gắn với thời gian bôn tẩu của Nguyễn Ánh ở Gia Định. Tương truyền, khi bị Tây Sơn đánh đuổi, Nguyễn Ánh vào Nam đã đi qua nhiều nơi ở vùng châu thổ sông Cửu Long, một hôm đoàn thuyền đi vào địa phận thủ phủ Trấn Giang (Cần Thơ xưa). Giữa đêm trường canh vắng, dọc theo bến sông vọng lại nhiều câu ngâm thơ, hò hát, tiếng đàn, tiếng sáo hoà nhau nhịp nhàng. Chúa thầm khen về một cảnh quan sông nước hữu tình và ban cho con sông này cái tên đầy thơ mộng là "Cầm Thi giang". Dần dần hai tiếng Cầm Thi lan truyền rộng trong dân chúng và nhiều người nói trại ra thành *Cần Thơ*; *Thứ hai*, cho rằng sông Cần Thơ ngày xưa ở hai bên bờ dân chúng trồng rất nhiều rau cần và rau thơm. Ghe thuyền chở nhiều loại rau cần, rau thơm qua lại mua bán đông vui từ năm này qua năm khác. Có thể từ đó người địa phương gọi sông này là sông Cần Thơm, sau nói trại là *Cần Thơ* (1). Tuy nhiên hai ý kiến này không thực sự thuyết phục về mặt khoa học.

Nhà nghiên cứu Nhâm Hùng thì cho rằng: "Cần Thơ" là tên gọi xuất phát từ tên gọi dân gian về sông Cần Thơ có từ lâu trước đó, được Trịnh Hoài Đức ghi chép lại trong *Gia Định thành thông chí* (2). Theo chúng tôi, cách lý giải này là hợp lý về sự ra đời của địa danh hành chính "Cần Thơ", vì trong ghi chép của Trịnh Hoài Đức từ năm 1820 đã nhắc đến "Cần Thơ giang", miêu tả rất cụ thể về sông Cần Thơ (3), thậm chí đã gọi khu vực này là "xứ Cần Thơ" (4). Theo chú giải của Phạm Hoàng Quân: Cần Thơ giang ở bờ tây sông sông Hậu, khu vực đó hiện nay thuộc quận Ninh Kiều, quận Cái Răng, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (5). Đến năm 1876, khi thực dân Pháp chiếm và thay đổi địa giới hành chính ở Nam Kỳ, đã đổi huyện Phong Phú lập ra hạt mới thì lấy tên của sông Cần Thơ đặt cho hạt Cần Thơ, sau đổi là tỉnh Cần Thơ. Ở cuối thế kỷ XIX, Duy Minh Thị miêu tả về sông Cần Thơ như sau: "sông Cần Thơ ở về bờ hướng tây sông Sau,

*TS. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

do sông lớn ở hướng nam xuống 121 dặm ra cửa biển Ba Thắc. Do Vàm sông đi qua hướng tây 8 dặm đến ngã ba. Về ngã hướng bắc chuyển qua hướng đông 1 dặm thông với sông Bình Thủy ra sông Sau. Trước 1 dặm đi về ngã hướng bắc chuyển qua hướng đông 1 dặm ra sông Ô Môn thông với sông Sau. Về ngã Nê Trạch (Ba Láng), mùa mưa nước ròng, ghe đi trên cỏ bèo, qua lại, phải ghi nhận cho nhớ đường" (6).

Tuy nhiên đó là địa danh hành chính, còn tên gọi của vùng đất (với tục danh là "Cần Thơ") thì chắc chắn đã có từ trước đó rất lâu. Theo Vương Hồng Sển địa danh "Cần Thơ" có gốc Khmer, bắt nguồn từ "Srok Trey Kin Thor". "Trey" có nghĩa là "cá", "kin thor" là con cá sặc lớn, còn gọi là cá dù tho, dề tho. Theo thuyết này thì Cần Thơ là "xứ của cá sặt rằn" (7). Lê Trung Hoa và cộng sự trong *Từ điển địa danh Nam Bộ* cũng đồng ý cách giải thích này của Vương Hồng Sển và nói rõ thêm: "Cần Thơ gốc Khmer Kìn Tho, nghĩa là "cá sặt rằn", cũng gọi là "cá lò tho", vì trong lòng rạch có nhiều cá này. Các giả thuyết do Cầm Thi (giang), Cần Thơm nói chệch là không có cơ sở khoa học. Có người nêu giả thuyết: âm gốc là Cần Thay, vì mang địa danh này từ Vĩnh Long sang và Cần là "cái cần"; Thay đọc chệch thành Quơ/Hươ rồi thành Thơ. Vậy Cần Thơ là "cần cây (tre) quơ qua quơ lại", vì Tương Vĩnh Ký cho rằng Cần Thơ gốc Khmer Prêk Rưsei/Kompong Rưsei, là "xứ/bến tre". Giả thuyết này chưa thuyết phục" (8).

Như vậy, có thể thấy có nhiều giả thuyết khác nhau về địa danh "Cần Thơ". Bước đầu chúng tôi có thể khẳng định tên gọi của vùng đất (xứ Cần Thơ), sau đó là sông (Cần Thơ giang) xuất hiện trước trong quá trình người Việt đến khai phá, cộng cư với cư dân bản địa nơi đây (người Khmer) và đã gọi tên vùng đất theo cách gọi của người Khmer là "xứ của cá sặt rằn". Sau này người Pháp đã lấy tên gọi của vùng đất, của con sông (Cần Thơ giang) để đặt cho tên của đơn vị hành chính mới thành lập.

Còn về hai tiếng *Tây Đô*, trước nay chưa có một văn bản nhà nước nào chính thức gọi Cần Thơ là Tây đô (Thủ đô miền tây). Tuy nhiên, do vị trí địa lý thuận lợi về giao thông, thương mại, kinh tế và cả quân sự nên Cần Thơ được coi là vị trí trung tâm của vùng.

2. Trấn Giang dưới thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII)

Thế kỷ XVII, cùng với sự khốc liệt của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, lưu dân người Việt từ vùng ngũ Quảng (9) bằng nhiều phương cách khác nhau đã tìm đến định cư ở vùng đất Đồng Nai, Mô Xoài (Bà Rịa), rồi tỏa đi khắp khu vực Nam Bộ. Sau khi thiết lập đơn vị hành chính ở Trấn Biên, Phiên Trấn (năm 1698), chúa Nguyễn tiếp tục khuyến khích lưu dân tiến xuống khai phá vùng đất màu mỡ ở hạ lưu sông Mekong (10). Trong tiến trình khai phá vùng đất phía Nam, Cần Thơ xưa là vùng "lõm", được khai phá trễ hơn 2 đầu: miệt trên Trấn Biên - Phiên Trấn và cả miệt dưới Hà Tiên (11). Theo Huỳnh Lứa thì ở khu vực vùng biển Tây Nam - vùng Hà Tiên, Rạch giá, Cà Mau - vào những thập niên cuối thế kỷ XVII, lưu dân người Việt cũng đã đến sinh tụ cùng với cư dân địa phương - người Khmer là thành phần cư dân chiếm đa số ở đây (12). Nguyễn Đình Đầu thậm chí còn đặt nghi vấn rằng người Việt đã có mặt ở Hà Tiên (bao gồm cả Cần Thơ sau này) vào khoảng cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, khi mà các nhà hàng hải đã gọi vùng này là Carol, Can Cao (13). Trương Minh Đạt cũng cho rằng các địa danh như: Srok Youn (xóm người Việt),

Phnom Youn - Phù Youn (núi người Việt) đã xuất hiện trước khi nhóm người Minh hương do Mạc Cửu dẫn đầu tới đây (14).

Vào cuối thế kỷ XVII, Mạc Cửu, một người Hoa thất bại trong phong trào "phản Thanh phục Minh" đã tìm đến Chân Lạp tá túc, được vua Chân Lạp phong chức okna (15) cai quản vùng Lũng Kỳ. Mạc Cửu đã tập hợp lưu dân người Việt, người Hoa, người Khmer khai phá và lập nên 7 xã thôn ở Hà Tiên. Quốc sử quán nhà Nguyễn cho biết: "Cửu người Lôi Châu, xứ Quảng Đông. Nhà Minh mất để tóc chạy sang phương Nam, đến đất Chân Lạp làm chức Okna thấy phủ Sài Mạt nước ấy nhiều người buôn các nước tụ họp bèn mở sòng bạc để thu thuế, gọi là thuế hoa chi, lại được hố bạc chôn nên trở nên giàu có. Nhân chiêu tập dân đến các nơi Phú Quốc, Cần Bột, Gia Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mau, thuộc tỉnh Hà Tiên lập thành 7 xã thôn" (16). Vào năm Mậu Tý (1708), Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn Phúc Chu. Cơ hội đến với các chúa Nguyễn nhưng thời điểm này chính quyền Đàng Trong chưa đứng vững trên đất Nam Bộ, chưa đủ tiềm lực để thâu tóm ngay Hà Tiên. Tất nhiên không thể bỏ lỡ thời cơ, chúa Nguyễn Phúc Chu khôn khéo hợp thức hóa vùng đất này bằng quyết định cho Mạc Cửu làm "Tổng binh trấn Hà Tiên và phong tước Cửu Ngọc Hầu" (17). Dựa vào Đàng Trong, họ Mạc có đồng minh hậu thuẫn, trong khi các chúa Nguyễn sẽ thêm hy vọng mở rộng lãnh thổ. Bằng việc phong tước cho Mạc Cửu, Nguyễn Phúc Chu đã biến Hà Tiên trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc Đàng Trong, Hà Tiên là lãnh địa của họ Mạc nhưng cũng là lãnh thổ của Đàng Trong - một đơn vị hành chính đặc biệt (18). Vùng Cần Thơ lúc ấy vẫn chưa được tổ chức thành một đơn vị hành chính của trấn Hà Tiên (19). Năm 1732, toàn bộ vùng đất Nam Bộ ngày nay được chúa Nguyễn chia thành 3 Dinh và 1 Trấn (Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh, Long Hồ dinh và trấn Hà Tiên) (20).

Sau khi Mạc Cửu mất vào năm Ất Mão (1735), Mạc Thiên Tứ nối nghiệp cha, khai phá thêm vùng hữu ngạn sông Hậu (21). Nếu như Mạc Cửu là người có công khai phá vùng đất Hà Tiên, thì người kế tục là Mạc Thiên Tứ đã mở rộng, phát triển vùng đất Hà Tiên và cả vùng Tây Nam Bộ. Mạc Thiên Tứ đã tiếp tục chiêu tập lưu dân khai phá, mở rộng và đưa vùng đất cực Nam Đàng Trong ngày càng phát triển trở thành điểm đến lý tưởng của các lưu dân (22). Sách *Đại Nam Nhất Thống chí* nhận định: "Năm 1735, Mạc Cửu chết, Túc Tông cho con Cửu làm Đô Đốc trấn Hà Tiên, đặt nha thuộc dựng thành lũy, mở mang chợ phố, người buôn bán đến tụ họp" (23). Cũng dưới thời nắm quyền của Mạc Thiên Tứ, vùng đất Cần Thơ được khai phá mở mang và sáp nhập vào trấn Hà Tiên. Về sự kiện này trong các bộ sử nhà Nguyễn không thấy đề cập. Trong *Mạc thị gia phả*, Vũ Thế Dinh có nhắc đến, tuy nhiên không đề cập thời gian cụ thể của sự kiện: "Ông lại khai phá những vùng đất hoang của Cao Miên là các xứ Long Xuyên, Kiên Giang, Trấn Giang, Trấn Di trở thành thuộc ấp, cắt đặt lại quan viên đứng đầu" (24). Theo thống kê của Đỗ Quỳnh Nga thì đa phần các công trình nghiên cứu đều đồng thuận về thời gian khai phá và sáp nhập Trấn Giang (Cần Thơ, Hậu Giang ngày nay) vào Hà Tiên là năm 1739, tiêu biểu như ý kiến của Nguyễn Văn Hầu, Lê Thông... (25). Huỳnh Minh cũng khẳng định: Năm Kỷ Mùi 1739, Mạc Thiên Tứ thành lập thêm 4 vùng đất mới ở phía hữu ngạn sông Hậu để sáp nhập vào đất Hà Tiên: Long Xuyên (Cà Mau),

Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (Bắc Bạc Liêu). Vùng đất Cần Thơ được khai mở và chính thức có mặt trên bản đồ Đàng Trong với tên gọi là Trấn Giang, do Mạc Thiên Tứ có công tập hợp cư dân khai phá cùng thời điểm với đất Cà Mau, Rạch Giá và Bắc Bạc Liêu (26), được sáp nhập vào đất Hà Tiên. Theo một số tư liệu thì ngay từ khi mới lên nắm quyền Mạc Thiên Tứ đã cho người theo sông Cái Lớn lập đạo Trấn Giang và Trấn Di ở hữu ngạn sông Hậu. Đây được xem như những đồn binh để liên lạc với quân của chúa Nguyễn, đồng thời tạo điều kiện cho lưu dân định cư và khai thác những vùng đất màu mỡ ở hữu ngạn sông Hậu; từ sông Ba Thắc của Trấn Di có thể nối liền với Cà Mau tạo nên vùng lãnh thổ rộng lớn (27).

Họ Mạc đã sớm nhận thấy vị trí chiến lược của Trấn Giang - là hậu cứ vững chắc cho Hà Tiên trong việc chống lại quân Xiêm và Chân Lạp. Vậy nên, trước đó Mạc Cửu đã mở mang vùng đất Hà Tiên, đến thời kỳ của Mạc Thiên Tứ tiếp tục phát triển vùng đất này về mọi mặt: kinh tế, quân sự, thương mại và văn hóa. Năm 1753, quan đại thần Nguyễn Cư Trinh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lý phía Nam. Ông đã gặp gỡ, bàn bạc và đồng tình với những kế sách của Tổng trấn Mạc Thiên Tứ. Đồng thời Nguyễn Cư Trinh đã có những đề xuất để phát triển vùng đất Trấn Giang với Mạc Thiên Tứ. Từ đó vùng đất Trấn Giang càng có điều kiện phát triển và trở thành một "thủ sở" mạnh vùng Hậu Giang (28). Trịnh Hoài Đức cho biết: thủ sở Trấn Giang nằm ở bờ Tây sông Hậu thượng lưu từ phía đông thành Nam Vang chảy xuống Châu Đốc, Cần Đăng vô Nam đến thủ Cường Oai, núi Lấp Vò, rồi đến thủ Trấn Giang, qua đạo Trấn Di ra cửa biển Ba Thắc (29). Trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* được biên soạn vào đầu thời kỳ Gia Long, Lê Quang Định đã miêu tả rất cụ thể về đường đi đến đạo Trấn Giang như sau: "100 tầm đến rạch Lấp Vò rồi chảy ra Hậu Giang. Ven sông đi xuống 21.030 tầm, giữa đường đi qua các rạch Cá Hồ, Cái Dầu, Tham Lung, Lai Vung, Cái Mít, Cái Sâu, Bầu Hốt, Cái Bần, Bình Thủy, Trà Mương, Cái Khế đến Rạch Cái Dầu. Từ rạch này đi ngang qua sông 70 tầm, dọc theo Cù Lao Lăng rồi thông vào phía phải rạch Cần Thơ là đến Thủ sở đạo Trấn Giang" (30).

Năm 1771, quân Xiêm tấn công Hà Tiên nhưng không chiếm được Trấn Giang. *Đại Nam thực lục* chép: "Mùa đông tháng 10, vua Xiêm thấy Chiêu Thùy chạy sang Hà Tiên sợ có mối lo về sau bèn phái 2 vạn lính thủy bộ, dùng tên giặc núi Bạch Mã là Trần Thái làm hướng đạo, vây trấn Hà Tiên. Quân Trấn ít ỏi cố bám lấy thành mà đánh. Chạy hỏa bài báo cấp với dinh Long Hồ. Quân Xiêm đông, giữ núi Tô Châu dùng đại bác bắn vào thành. Thế rất nguy cấp. Đương đêm kho thuốc súng ở núi Ngự Hồ phát cháy, trong thành sợ rối. Quân Xiêm từ phía sau chặt cửa sấn vào, phóng hỏa đốt doanh. Thiên Tứ đốc suất binh sở thuộc chống đánh các ngõ. Một lát quân dân tan vỡ, thành bị hãm. Cai Đức Nghiệp kèm Mạc Thiên Tứ lên thuyền chạy. Mạc Tử Hoàng, Mạc Tử Thảng, Mạc tử Duyên ở Châu Đốc cũng đem thủy quân phá vòng vây chạy xuống đạo Kiên Giang rồi qua Trấn Giang dừng lại" (31). Mạc Thiên Tứ chạy qua Châu Đốc rồi rút về Tân Châu, ở đây ông gặp quân tiếp viện của chúa Nguyễn, được đưa về trấn Long Hồ tạm trú. Năm 1773, chúa Nguyễn mật sai Mạc Thiên Tứ cho người sang Xiêm mượn tiếng giảng hòa để tham dò động tĩnh. Lúc bấy giờ thành lũy họ Mạc ở Hà Tiên đều bị quân Xiêm phá hủy, Mạc Thiên Tứ lưu lại

ở Trấn Giang một thời gian, đồng thời sai con là Hoàng về trước để sửa sang (32). Năm 1775, chúa Nguyễn sau khi bị nghĩa quân Tây Sơn đánh bật khỏi Thuận - Quảng đã chạy vào Gia Định "tạm trú ở Bến Nghé, phía bắc đồn Dinh". Mạc Thiên Tứ đến nơi bái kiến, được "đặc cách phong Quốc lão Đô đốc Quận công, gia phong Mạc Tử Hoàng chức Chưởng cơ, Tử Thảng chức Cai cơ thắng thủy, Tử Dung chức Tham tướng Cai cơ, lệnh cho về án thủ đạo Trấn Giang, chiêu tập dân xiêu tán và tàn binh Hà Tiên để đợi thời cơ" (33). Năm 1777, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ đem quân tấn công vào Gia Định, chúa Nguyễn chạy xuôi xuống miền Tây, Mạc Thiên Tứ đã đón ở đạo Trấn Giang (Cần Thơ xưa).

Sau trận Rạch Gầm - Xoài Mút (tháng 1 năm 1785), vào năm 1787 quân Tây Sơn rút khỏi các dinh trấn miền Tây. Cùng thời điểm này, quân của Nguyễn Vương chiếm lại Kiên Giang, chiếm lại Trấn Giang, đánh bại lực lượng Tây Sơn đồn trú ở đây, rồi thẳng đến Trà Ôn, Mân Thít chia binh đồn trú. Trong trận này, Tham tướng Mạc Tử Sanh (con trai Mạc Thiên Tứ) tử trận trong khi đánh nhau với quân Tây Sơn. Theo các tác giả cuốn *Địa chí Cần Thơ* thì địa danh "Tham tướng" nổi tiếng ở Cần Thơ (vùng rạch Tham Tướng, thuộc phường Xuân Khánh, thành phố Cần Thơ) vốn là chỗ đồn trú của quân đội của Nguyễn Vương do tướng Mạc Tử Sanh đứng đầu trong thế liên hoàn giữa Mân Thít, Sa Đéc ở một phía và một bên là Trà Ôn, Ba Thắc và một bên là miệt Bãi Sào, Sóc Trăng (34).

Có thể thấy suốt thập niên 70 của thế kỷ XVIII, Trấn Giang trở thành một cứ điểm quan trọng và phát triển mạnh trong bối cảnh lịch sử đầy biến động của Đàng Trong, cũng như Nam Bộ. Cần Thơ xưa là vùng đất thuận lợi cho sự định cư, sinh sống, nên đã thu hút đông đảo các thành phần cư dân từ khắp nơi tìm đến. Trịnh Hoài Đức miêu tả khung cảnh của Cần Thơ như sau: "Sông Cần Thơ ở bờ Tây sông Hậu, rộng 8 tầm, sâu 5 tầm, cách trấn lỵ về phía Nam 210 dặm rưỡi. Bên bờ Tây là thủ sở đạo Trấn Giang, chợ phố sầm uất khách buôn đông đảo. Từ sông lớn xuống Nam 121 dặm rưỡi là ra cửa biển Ba Thắc. Từ cửa sông đi về phía Tây 8 dặm rưỡi là tới ngã 3, ngã bắc chuyển qua đông 1 dặm rưỡi thông với sông Bình Thủy rồi ra sông Hậu…" (35). Cộng đồng lưu dân người Việt tìm đến vùng Cần Thơ trong giai đoạn này một bộ phận là những binh lính và gia đình của họ ở trấn Hà Tiên, Rạch Giá theo chồng, theo cha đến trú ngụ ở Trấn Giang. Một bộ phận quan trọng là những lưu dân từ vùng ngũ Quảng do nhiều nguyên nhân đã xuôi thuyền vào vùng Mô Xoài - Bà Rịa rồi đến Gia Định và tiến xuống vùng sông Hậu định cư ở Trấn Giang.

Trong buổi đầu khi những lưu dân người Việt đặt chân đến đây đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, chế ngự tự nhiên, khai phá đất đai, phát triển kinh tế, xây dựng làng xóm. Sự vất vả này được ghi dấu trong những câu ca dao của vùng sông Hậu truyền từ đời này qua đời khác:

"Rồng chầu ngoài Huế, ngựa tế Đồng Nai
Nước trong xanh, sao lại chảy hoài
Thương người xa xứ lạc loài đến đây…".

(Dân ca Hậu Giang - xuất bản năm 1986) (36).

Cùng với dòng lưu dân, những dấu ấn văn hóa Việt từ khu vực Miền Trung và Nam Trung Bộ được lan tỏa vào miền Tây sông Hậu. Tiêu biểu như khu vực Trường Thạnh, Phong Điền ngày nay, những tục thờ Bà - Cậu (Bà Thủy và Cậu Chai - Cậu Quí) tục thờ các chúa Trân, chúa Ngọc, nữ thần Thượng Động Cố Hỉ… Tại đình làng

Thới Bình có hai bài vị thờ Đồng Chinh Vương và Dực Thánh Vương là hai hoàng tử của vua Lý Thái Tổ - vốn được xem là ông tổ khai hoang của các cộng đồng cư dân khẩn hoang ở vùng đất mới miền duyên hải Bắc Bộ và Trung Bộ. Đặc biệt ở đình Bình Thủy còn có thờ *Đại càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương* gốc là vị thần được thờ ở Đền Cờn, biển Cần Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An (nay là phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An) (37). Sự lan tỏa của hệ thống tín ngưỡng dân gian từ miền Bắc, miền Trung vào Trấn Giang xưa càng minh chứng rõ hơn cho quá trình Nam tiến từng chặng của cộng đồng người Việt từ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào Nam Trung Bộ, sau đó tiến dần vào khu vực Nam Bộ mang theo những tâm thức tín ngưỡng của mình.

Trong công cuộc khai phá vùng phía Tây sông Hậu, làng Tân An, Thới Bình, Bình Thủy là nững nơi được hình thành sớm ở trên vùng đất phù sa phì nhiêu màu mỡ này. Ở làng Bình Thủy như tên gọi của nó sông nước hiền hòa, đất đai bằng phẳng, vì vậy người dân đến đây định cư từ sớm và sau này phát triển trở thành vùng đất có bề dày lịch sử mà sau này người dân Cần Thơ thế hệ sau luôn tự hào. Ngay từ buổi đầu khai phá, miệt Cần Thơ ở phía Tây sông Hậu đã hình thành nên đặc trưng của văn minh sông nước và văn minh miệt vườn, khác biệt so với khu vực miền Đông Nam Bộ được hình thành trước đó. Ở đây sông nước chính là huyết mạch trong đời sống, sinh hoạt, cũng như phát triển kinh tế. Nếu như ở các khu vực khác làng xóm được hình thành dọc các tuyến đường giao thông, thì ở đây được hình thành trên các giồng đất trải dài trên kênh rạch về sau là kênh đào. Chợ búa cũng được ra đời trên những khúc sông, đoạn kênh tấp nập. Những khúc sông có vị trí thuận lợi, giáp nước, cửa vàm, ngã ba, ngã tư là tụ điểm giao thương và tất yếu trở thành những thị tứ, trung tâm kinh tế - văn hóa của vùng. Ở xứ Cần Thơ, chợ búa, thị tứ xưa đều do sông rạch định vị. Đặc điểm này có thể đã hình thành từ buổi đầu khai phá (ở thế kỷ XVIII) ở vùng Bình Thủy - Cần Thơ và liên kết với các tụ điểm khác trải dài trên vùng đất trung lưu và hạ lưu sông Hậu (38). Dấu ấn này đã được Trịnh Hoài Đức chép: Cần Thơ nằm "bên bờ Tây là thủ sở đạo Trấn Giang, chợ phố sầm uất, khách buôn tụ tập đông đảo" (39).

Có thể thấy rất rõ sự định hình của văn minh sông rạch với đặc trưng đó là những chợ nổi ở các giao lộ đường thủy đã đã xuất hiện như ở khu vực Trà Ôn, Phong Điền, Phụng Hiệp… Sông rạch là huyết mạch giao thông, trong buổi đầu chính là nơi chuyên chở lực lượng lưu dân khai hoang từ các khu vực khác của Nam Bộ tỏa đi đến các dải đất, con giồng ven sông ở dọc con sông Hậu khai phá đất đai, lập nên những thôn ấp đầu tiên ở đây. Ở vùng đất này, rạch Cần Thơ từ đầu vàm giáp sông Hậu (bến Ninh Kiều ngày nay) chảy tới Phong Điền (cầu Nhiếm) cùng với rạch Bình Thủy chảy từ bờ sông Hậu chảy vào Giai Xuân - Long Tuyền là những huyết mạch có vai trò quan yếu trong công cuộc khai hoang, xác lập thôn xóm buổi đầu của vùng đất Trấn Giang xưa.

3. Huyện Vĩnh Định ở đầu thế kỷ XIX

Sau khi Nguyễn Ánh đánh bại vương triều Tây Sơn (1802), một bộ máy hành chính thống nhất từ trung ương đến địa phương được thiết lập. Năm 1803, một năm sau khi lên ngôi, vua Gia Long phân định lại dư địa đồ vùng miền Tây sông Hậu, đổi tên dinh Long Hồ thành dinh Hoằng Trấn, sau đổi lại là Vĩnh Trấn (40). Năm 1808, dưới triều vua Gia Long, đất Trấn Giang

thuộc trấn Vĩnh Thanh (trước đó từng có tên là dinh Long Hồ, dinh Hoằng Trấn, Vĩnh Trấn), một trong 5 trấn của Gia Định bấy giờ là: Phiên An, Biên Hoà, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên (41). Năm 1808 (năm Gia Long thứ 7), huyện Vĩnh Định được thành lập, thuộc phủ Định Viễn (42). Vùng Cần Thơ thuộc huyện Vĩnh Định (Nam sông Hậu), trấn Vĩnh Thanh (có 2 huyện: Vĩnh An và Vĩnh Định), phủ Định Viễn. Huyện Vĩnh Định có vị trí địa lý: Đông giáp biển, Tây giáp Cao Miên, Nam giáp Hà Tiên, Bắc giáp huyện Vĩnh An và huyện Bình Minh. Vào thời Gia Long, huyện Vĩnh Định chưa chia tổng. Tổ chức hành chánh của huyện được chia thành 37 thôn, xóm (43).

Năm 1832, dưới triều vua Minh Mạng, ngũ trấn được đổi thành lục tỉnh là Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Đất Cần Thơ ngày nay (tức Trấn Giang ngày xưa) được lập thành huyện Vĩnh Định và cắt về phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (44). Do có nhiều cuộc nội loạn ở vùng Nam Bộ, đặc biệt là cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi (1833-1835) nên thủ sở Trấn Giang vào thời Minh Mạng được tái thiết. Với tiềm năng kinh tế và vị trí địa lý của mình, thương mại Trấn Giang - Cần Thơ đã phát triển khá mạnh với chợ Sưu ở gần bến sông Cần Thơ, chợ Tân An liền hướng bến sông Bình Thủy và chợ Thới An Đông trên vùng gần cửa sông Ô Môn (45).

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhà Nguyễn lập một đoàn kinh lược sứ đi thanh tra đo đạc đất đai ở các tỉnh Nam Kỳ. Đoàn gồm những vị trọng thần của triều đình như: Binh bộ Thượng thư cơ mật đại thần Trương Đăng Quế và Lại bộ Thượng thư Trần Kim Bảng sung làm Kinh lược Đại sứ (sau đó Trần Kim Bảng bị bệnh và Trấn tây Đại tướng quân là Trương Minh Giảng thay thế). Sau chuyến kinh lý, địa bạ tỉnh An Giang (2 phủ, 4 huyện, 18 tổng, 161 thôn) được hoàn thành. Huyện Vĩnh Định có 4 tổng là Định An, Định Bảo, Định Khánh và Định Thới, phân cấp hành chánh cơ sở thành 30 thôn (46). Năm Minh Mạng thứ 20 (1839), huyện Vĩnh Định lại được đổi tên thành huyện Phong Phú, và thuộc về phủ Tuy Biên (Châu Đốc), tỉnh An Giang. Huyện Phong Phú có 3 tổng và 31 thôn với huyện trị đặt tại thôn Tân An, ven bờ sông Cần Thơ (47). Từ đó đông đảo cư dân từ các nơi tìm đến đây định cư đông hơn, huyện Phong Phú trở thành một vùng đất trù phú, bình an ở khu vực miền Tây Nam Kỳ của Đại Nam (48). Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép về huyện Phong Phú như sau: "Huyện Phong phú ở cách phủ hơn 50 dặm về phía Đông Nam, Đông Tây cách nhau 50 dặm, Nam Bắc cách nhau 65 dặm, phía Đông đến địa giới huyện Kiên Giang, tỉnh Hà tiên 44 dặm, phía Nam đến địa giới huyện Vĩnh Định, phủ Ba Xuyên 3 dặm, phía Bắc đến địa giới 2 huyện An Xuyên, Tây Xuyên 62 dặm. Nguyên là đất huyện Vĩnh Định và đất thổ huyện Ô Môn, năm Minh Mệnh thứ 20 tách huyện Vĩnh Định và thổ huyện Ô Môn, mới phụ và đặt huyện này. Nay lãnh 3 tổng và 31 xã thôn" (49).

Trong quá trình khai phá vùng đất màu mỡ phía hữu ngạn sông Hậu, sau được xác lập vào Đàng Trong với tên gọi Trấn Giang, những lưu dân đến đây khai hoang chủ yếu là người Việt từ vùng ngũ Quảng do chiến tranh mất mùa, do trốn phu dịch, kể cả những người "có vật lực" được chúa Nguyễn kêu gọi đi khẩn hoang. Cư dân đến Trấn Giang gồm nhiều tộc người như: Kinh, Hoa, Khmer…; họ đoàn kết, tương thân, tương ái đùm bọc lẫn nhau để chinh phục thiên nhiên, chống lại thú dữ như voi, cọp, cá sấu, rắn độc… mở đất lập nghiệp. Đất đai

được khai mở ngày càng trù phú, mở đường sá, xây chợ... dân tứ xứ kéo đến định cư, lập nghiệp ngày càng đông. Nhìn chung cho đến giữa thế kỷ XIX, dân cư ở Cần Thơ còn đang rất thưa thớt. Ở đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức miêu tả: ở bờ đạo Trấn Giang ở Cần Thơ, dọc đường bụi tre lùm cây hai bên bờ ngọn cành giao nhau cản trở ghe xuồng; ruộng vườn ở đây còn thưa trống, vì người ta mới đến đây lập nghiệp (50). Theo thống kê trong *Địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh* vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836), toàn huyện Vĩnh Định (trong đó có Cần Thơ xưa) có khoảng 64.600 người (51). Bộ mặt của vùng đất này đã có sự thay đổi, theo Nguyễn Đình Đầu: trong khoảng gần 20 năm, vùng Cần Thơ xưa đã xuất hiện nhiều chợ buôn bán sầm uất, như: Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn và Trà Ôn (52). Trong buổi đầu khai phá, cư dân các dân tộc ở Trấn Giang (thế kỷ XVIII), sau là huyện Vĩnh Định thời nhà Nguyễn đã đoàn kết chặt chẽ với nhau khai hoang, lập làng, phát triển kinh tế. Trịnh Hoài Đức cho biết: "Người dân ở đây chuộng sự thật thà, chuyên nghề cày ruộng, làm vườn và đều có sản nghiệp, được xem là nơi giàu có đông đúc" (53).

4. Cần Thơ từ năm 1867 đến những năm đầu thế kỷ XX

Sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ từ triều đình nhà Nguyễn (1862), thực dân Pháp chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Theo miêu tả của người Pháp vào các ngày 20, 22 và 24 tháng 6 năm Đinh Mão (1867) các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên lần lượt rơi vào tay của người Pháp. Sau khi bị chiếm đóng, dinh thự của huyện Phong Phú bị người Pháp đốt cháy rụi (54).

Trong giai đoạn đầu khi đơn vị hành chính chưa ổn định, huyện Phong Phú được sáp nhập vào phủ Bãi Xàu, phủ này vốn thuộc tỉnh Châu Đốc (55). Vào năm 1876 Thống soái Nam Kỳ đã: "chia địa bàn Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính, mỗi khu vực có một số tiểu khu hay hạt tham biện, dân chúng quen gọi là toà Bố (Arrondissement). Người đứng đầu hạt gọi là Tham biện (Administrateur) không còn gọi là Thanh tra (Inspecteur) nữa. Các xã, thôn cũ đổi gọi thống nhất là "Làng" (Villages). Theo đó hạt thanh tra Sóc Trăng đổi gọi là hạt tham biện Sóc Trăng thuộc khu vực hành chính thứ 4" (56). Theo niên giám thống kê năm 1876, 4 khu vực hành chính đó là: 1. Khu vực Sài Gòn (Circonscription de Saigon) gồm [các hạt] Sài Gòn, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hoà và Bà Rịa; 2. Khu vực Mỹ Tho (Circonscription de Mytho) gồm [các hạt] Mỹ Tho, Tân An, Gò Công và Chợ Lớn; 3. Khu vực Vĩnh Long (Circonscription de Vinh-long) gồm [các hạt] Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc; 4 Khu vực Bassac (Circonscription de Bassac) gồm [các hạt] Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Trà Ôn và Sóc Trăng" (57). Vùng đất Cần Thơ lúc này thuộc khu vực Bassac (sông Hậu).

Ngày 1-1-1868, Thống đốc Nam Kỳ là Bonard quyết định sáp nhập huyện Phong Phú với vùng Bãi Sào (Sóc Trăng) lập thành quận đặt dưới sự cai trị của người Pháp, lập Toà Bố tại Sa Đéc. Hạt Sa Đéc (phủ Tân Thành) đặt lỵ sở tại Sa Đéc gồm có 3 huyện: Vĩnh An, An Xuyên và Phong Phú.

Huyện Phong Phú có địa giới hành chính Bắc giáp phủ Tân Thạnh và phủ Lạc Hóa, Tây - Bắc giáp huyện Tây Xuyên, Đông - Nam giáp huyện Vĩnh Định, phía Nam có nhiều rừng tràm và hổ báo. Huyện Phong Phú được phân cấp hành chính cơ sở gồm 8 tổng (3 tổng cũ, 5 tổng mới phía Nam sông Hậu). Vào thời điểm này ở huyện

Phong Phú có 5 chợ chính là: Cần Thơ, Ô Môn, Bình Thủy, Trà Niềng và Cái Răng.

Ngày 30-4-1872, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định sáp nhập huyện Phong Phú với vùng Bắc Tràng (thuộc phủ Lạc Hóa, tỉnh Vĩnh Long trước đây) để lập thành một hạt, đặt Toà Bố tại Trà Ôn. Một năm sau, Tòa Bố từ Trà Ôn lại dời về Cái Răng.

Ngày 23-2-1876, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định mới lấy huyện Phong Phú và một phần huyện An Xuyên và Tân Thành để lập hạt Trà Ôn với thủ phủ là Cần Thơ. Hạt Trà Ôn thuộc khu vực Bassac (Hậu Giang). Hạt Trà Ôn chia làm 11 tổng, 119 làng, dân số 53.910 người (58).

Năm 1899, Pháp đổi các đơn vị hành chính cấp hạt thành tỉnh và huyện đổi thành quận. Tỉnh Cần Thơ được thành lập theo Nghị định ngày 20-12-1899 của Toàn quyền Đông Dương trên cơ sở đổi tên gọi tiểu khu hay hạt tham biện (arrondissement) thành tỉnh (province), kể từ ngày 1-1-1900. Như vậy, tỉnh Cần Thơ là một trong 20 tỉnh ở Nam Kỳ lúc bấy giờ: bao gồm 4 quận (Châu Thành, Ô Môn, Phụng Hiệp, Cầu Kè) (59).

Theo báo cáo của chính quyền thuộc địa vào năm 1904, tỉnh Cần Thơ được chia làm 9 tổng gồm 90 làng và nhiều ấp dân đã định cư đông đúc (60). Năm 1917 tỉnh Cần Thơ có diện tích 2.191 km², gồm 4 quận: Châu Thành, Phụng Hiệp, Ô Môn, Cầu Kè. Năm 1921, có thêm quận Trà Ôn. Tỉnh lỵ tỉnh Cần Thơ đặt tại làng Tân An thuộc quận Châu Thành. Năm 1928, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập các thành phố Bạc Liêu, Cần Thơ, Rạch Giá và Mỹ Tho có Ủy ban thành phố, Thị trưởng do Chủ tỉnh bổ nhiệm và có ngân sách riêng. Tuy nhiên sau này vẫn thường gọi là thị xã Cần Thơ. Nghị định ngày 30-11-1934 sắp xếp đất đai thị xã Cần Thơ thành 5 vùng và 1 vùng ngoại ô để thu thuế thổ trạch.

Từ năm 1876 đến năm 1954, địa giới hành chính tỉnh Cần Thơ dưới quyền kiểm soát của chính quyền Pháp không có sự thay đổi. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chính quyền cách mạng đã có điều chỉnh một phần địa giới hành chính của tỉnh Cần Thơ. Năm 1947, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập thị xã Cần Thơ thuộc tỉnh Cần Thơ. Trong 2 năm 1948 và 1949, tỉnh Cần Thơ nhận thêm huyện Thốt Nốt từ tỉnh Long Xuyên, nhận các huyện Long Mỹ, Gò Quao, Giồng Riềng, thị xã Rạch Giá từ tỉnh Rạch Giá vừa bị giải thể và nhận huyện Kế Sách từ tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, tỉnh Cần Thơ giao 2 huyện Trà Ôn và Cầu Kè về tỉnh Vĩnh Trà (gồm hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh ngày nay).

Về dân cư, cùng với những chính sách khai thác của chính quyền thực dân, cư dân bao gồm nhiều thành phần đã tập trung về định cư ở Cần Thơ nhiều hơn. Năm 1876, thực dân Pháp đã lập nên Hạt Cần Thơ thuộc khu vực Bassac (Hậu Giang). Hạt Cần Thơ chia làm 11 tổng, 119 làng, dân số 53.910 người (61). Trong báo cáo của chính quyền thuộc địa vào năm 1904, người châu Âu ở Cần Thơ (bao gồm những viên chức và những người đại diện phục vụ khác, cùng gia đình và 2 trạng sư); người bản xứ khoảng 195.000 người (bao gồm chủ yếu 2 bộ phận: người khmer và người An Nam). Ngoài ra còn có khoảng 5.000 người Hoa và một số ít người Ấn Độ đến đây mở cửa hàng buôn bán (62). Giai đoạn này bên cạnh những người Việt, người Hoa, Khmer… đã có từ trước, những người Pháp (chủ yếu là quan lại trong bộ máy hành chính và người nhà) cũng đến sinh sống ở Cần Thơ, nơi được xem là thủ phủ của Miền Tây Lục tỉnh Nam Kỳ. Trong

niên giám của người Pháp năm 1910, dân cư của Cần Thơ đã tăng lên đáng kể, bao gồm nhiều thành phần, trong đó: cư dân bản xứ (người An Nam và người Khmer) khoảng 19.5000 người; người Hoa khoảng 5.000 người (chủ yếu phát triển thương mại); người Pháp (bao gồm quan lại, gia đình) có 45 người (63). Đến năm 1915, khi tỉnh Cần Thơ được thành lập lúc này tỉnh bao gồm: 214.700 người Việt, và có khoảng 101 người châu Âu cư ngụ tại đây (65).

Cư dân tập trung ở Cần Thơ ngày càng đông đúc hơn theo thời gian, từng bước biến Cần Thơ trở thành tỉnh sầm uất bậc nhất, trung tâm của vùng đất Tây Nam Kỳ dưới thời thuộc Pháp. Theo nhận định của người Pháp đến đầu thế kỷ XX: "Mặc dù mới đến xứ này, nhưng cho đến nay, người An Nam là thành phần dân cư quan trọng nhất: dân số khoảng 175.000 người" (65). Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi (đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa, nước tưới dồi dào…), ngành nông nghiệp của Cần Thơ đã có bước phát triển mạnh mẽ dưới thời thuộc Pháp. Diện tích đất sản xuất không ngừng được mở rộng, năng suất cây trồng không ngừng được nâng cao một phần do chính quyền thuộc địa đã cho áp dụng một số biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Ngoài ra, thực dân Pháp còn thực hiện nhiều kế hoạch nhằm xây dựng một mạng lưới rộng khắp nhiều con kênh đào bao quanh tại Bassac (66) về hướng tây; nó sẽ chảy vào vịnh Thái Lan và chảy qua những vùng đất để nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, cũng như những hoạt động sinh hoạt khác. Dân cư đông đúc và sự phát triển của sản xuất đã dẫn đến hình thành những chợ lớn, nơi trao đổi hàng hóa tấp nập. Ở đầu thế kỷ XX, trên địa bàn Cần Thơ có 10 chợ lớn nhất, đó là Cần Thơ (Tân An), Cái Răng (Trường Thạnh), Phong Điền (Nhơ Ái), Bình Thủy (Long Tuyền), Ô Môn (Thới Thạnh), Cái Vồn (Mỹ Thuận), Trà Luộc (Hanh Thông), Trà Ôn (Thiện Mỹ), Cầu Kè (Ân Phụ), La Ghì (Vĩnh Xuân) (67).

*

Cần Thơ là một vùng đất màu mỡ, trù phú phía Tây sông Hậu thường được biết đến với tên gọi "Tây Đô" - thủ phủ của miền Tây Nam Bộ. Với những thuận lợi về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, ngay từ khi đạo Trấn Giang được thành lập (1739), vùng đất này đã trở thành hậu cứ của họ Mạc ở Hà Tiên, sau đó là của chúa Nguyễn. Dù thành lập trễ hơn so với các vùng đất khác ở Nam Bộ, tuy nhiên Trấn Giang trong thế kỷ XVIII là một đạo thủ có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ trấn Hà Tiên, cũng như là cầu nối giữa trấn Hà Tiên (ở cực Nam) với Gia Định (trung tâm của Nam Bộ). Trong bối cảnh đầy biến động của lịch sử dân tộc ở cuối thế kỷ XVIII, vùng đất Trấn Giang ngày càng phát triển và càng khẳng định được vị trí trọng yếu của mình trên bản đồ Nam Bộ, cũng như Đàng Trong.

Sang thời nhà Nguyễn (ở đầu thế kỷ XIX), Cần Thơ đã có nhiều thay đổi với sự xuất hiện nhiều hơn của người Việt và các cộng đồng cư dân khác. Các làng xóm được lập nên nhiều hơn, địa giới hành chính cũng có sự thay đổi. Huyện Vĩnh Định được thành lập, đánh dấu một bước quá trình phát triển của vùng đất Trấn Giang xưa ở khu vực miền Tây sông Hậu. Sau cuộc đại kinh lý đo đạc lại địa bạ Nam Kỳ vào năm Minh Mạng thứ 17 (năm 1836) không lâu, các đơn vị hành chính của huyện Vĩnh Định được kiện toàn và được đổi tên thành huyện Phong Phú. Từ đó đông đảo các cộng đồng cư dân từ khắp nơi tìm đến đây định cư, huyện Phong Phú trở thành một vùng

đất trù phú, bình an ở khu vực Tây Nam Kỳ của nước Đại Nam.

Sau khi chiếm miền Tây Nam Kỳ (1867), thực dân Pháp đã có sự điều chỉnh về địa giới và tên gọi hành chính, cũng như có sự quan tâm đặc biệt đối với vùng đất Cần Thơ. Ngày 1-1-1900, tỉnh Cần Thơ được thành lập theo Nghị định ngày 20-12-1899 của Toàn quyền Đông Dương trên cơ sở đổi tên gọi tiểu khu hay hạt tham biện (arrondissement) thành tỉnh (province). Như vậy, Cần Thơ là một trong 20 tỉnh của Nam Kỳ thuộc địa lúc bấy giờ: bao gồm 4 quận (Châu Thành, Ô Môn, Phụng Hiệp, Cầu Kè). Với sự kiện này đã đánh dấu vùng đất Cần Thơ đã có bước phát triển mạnh mẽ trở thành đầu mối giao thông, kinh tế, văn hóa xã hội, trung tâm của các tỉnh ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

CHÚ THÍCH

(1), (26), (45). Huỳnh Minh, *Cần Thơ xưa*, Nxb. Thanh Niên, Tp. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 41-42, 12, 20.

(2). Nhâm Hùng, *Cần Thơ phố xưa nét cũ*, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2017, tr.20-21.

(3), (4), (5), (10), (17), (19), (29), (33), (35, (39), (50), (53). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Phạm Hoàng Quân dịch, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr.108, 574, 245, 288, 159, 289, 108, 414, 108, 108, 393, 132, 499

(6). Duy Minh Thị, *Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí*, Thượng Tân Thị dịch, Hồ Biểu Chánh lời dẫn, Trần Thành Trung bổ chú, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2018, tr.123.

(7). Vương Hồng Sển, *Tự vị tiếng miền Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr.8.

(8). Lê Trung Hoa, *Từ điển địa danh Nam Bộ*, Đề tài khoa học và công nghệ thuộc Qũy phát triển NAFOSTED, 2015, tr.99.

(9). Ngũ Quảng gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Huế), Quảng Nam, Quảng Ngãi

(11), (20), (28), (34), (36), (38), (40), (48), (61), (64). Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh Cần Thơ, *Địa chí Cần Thơ*, Cần Thơ, 2002, tr.24, 24, 25, 28, 29, 30, 28, 28, 106, 107

(12). Huỳnh Lứa (chủ biên), Lê Quang Minh, Lê Văn Nam, Đỗ Hữu Nghiêm, *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ,* Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.57.

(13). Nguyễn Đình Đầu, Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Hà Tiên (Kiên Giang, Minh Hải), Nxb. Tp Hồ Chí Minh, 1994, tr.76-77.

(14). Trương Minh Đạt, *Nghiên cứu Hà Tiên*, Tạp chí xưa và Nay - Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr.70.

(15). Trong tổ chức bộ máy nhà nước Chân Lạp, Ốc Nha - Okna chỉ một chức quan trấn thủ có vai trò như một lãnh chúa độc lập ở địa phương (dẫn theo Nguyễn Văn Nguyễn (dịch và chú giải), *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006).

(16), (31), (32), (41). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.122, 175-176, 177, 716-717,

(18). Lê Bá Vương - Nguyễn Đình Cơ, Bàn thêm về họ Mạc ở Hà Tiên và đối sách của các chúa Nguyễn, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 8-2018, tr.16.

(21), (23), (26), (42), (49). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, tr.6, 4, 191, 186.

(22). Nguyễn Đình Cơ, *Trao đổi lại về năm sinh và đóng góp của Mạc Thiên Tứ đối với vùng đất Hà Tiên buổi đầu khai phá,* Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7-2019, tr.71.

(24). Vũ Thế Dinh, *Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nguyễn Văn Nguyên dịch và chú thích, Nxb. Thế giới Hà Nội, 2007, tr.45.

(25), (27). Đỗ Quỳnh Nga, *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2013, tr.109, 110.

(30). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thông dư địa chí*, Phan Đăng dịch, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm văn hóa Đông Tây, Huế, 2005, tr. 326

(37). Đền Cờn ở phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An được xác định là điểm phát tích thờ Tứ vị Thánh nương và sau đó nơi đây đã phát triển trở thành một trung tâm tín ngưỡng thờ Mẫu lớn nhất, một trong bốn nơi ở Nghệ An (đền Cờn, đền Quả, Bạch Mã, Chiêu Trưng) và của cả khu vực Bắc miền Trung. Hiện tượng thờ Tứ vị Thánh nương không chỉ dừng ở nơi ban đầu mà còn được khuếch tán, lan tỏa thờ phụng ở hàng trăm nơi (riêng Thanh Hóa có tới 81 nơi thờ) ven biển, ven sông vùng Bắc Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ. Một số công trình nghiên cứu của các tác giả khác cho biết, tục thờ này có ở Quảng Ninh. Quảng Bình, Huế, Quảng Nam, Sài Gòn và các tỉnh miền Tây Nam Bộ như Bến Tre, Vĩnh Long, Kiên Giang, Cần Thơ, Cà Mau, Sóc Trăng [Tham khảo: Trần Thị An, "Tìm hiểu sự hình thành truyền thuyết Tứ vị thánh nương (qua các nguồn thư tịch, truyền thuyết dân gian và tục thờ cúng)", Tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, cập nhật ngày 20-11-2011; Nguyễn Hữu Thức, "Giải mã tục thờ tứ vị Thánh nương", Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 44, 202018].

(44). Tham khảo thêm: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.402. Tham khảo thêm: Nguyễn Văn Siêu, *Phương Đình dư địa chí*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2001, tr.283.

(46), (47), (51), (58), (59). Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: An Giang*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.85, 86, 302, 93, 100

(52). Nguyễn Đình Đầu, Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khai hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016, tr.196.

(54), (55), (60). Hội nghiên cứu Đông Dương, *Địa chí Cần Thơ*, Lê Minh Hà - Trần Thành Trung dịch, chú giải và giới thiệu, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2021, tr.164, 164, 25.

(56). Nguyễn Đình Tư, *Địa chí hành chính các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc* (1859-1954), Nxb.Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr.471.

(57). Annuaire de la Cochinchine française 1876, Imprimerie de Gouvernement, Saigon, p.143.

(62), (65). Hội nghiên cứu Đông Dương, *Địa chí Cần Thơ*, Lê Minh Hà - Trần Thành Trung dịch, chú giải và giới thiệu, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2021, tr.25, 25.

(63). Annuaire général de l'Indochine 1910, Imprimerie de Gouvernement, Saigon, p.635.

(67). Hội nghiên cứu Đông Dương, *Địa chí Cần Thơ*, Lê Minh Hà - Trần Thành Trung dịch, chú giải và giới thiệu, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2021, tr.45.